

Bản án số: 09/2022/HS-ST
Ngày: 11-5-2022

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Thẩm phán Ông Bùi Văn Bình

Các Hội thẩm Nh dân: Ông Trần Hoàng Trực

Ông Phạm Qu Hà

Bà Vi Thị Xuân Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết, Thư ký Tòa án Nh dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát Nh dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Mai, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06/5/2022, 11/5/2022, tại trụ sở Tòa án Nh dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HS ngày 06/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Thành T**; tên gọi khác: Nhóc; Sinh ngày 27 tháng 01 năm 1992, tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký HKTT: Số 83/47, đường Q, pH9 3, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn Thành N và bà: Huỳnh Thị Thu H. Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2020 cho đến nay.

2. Họ tên: **Nguyễn Ngọc Ch**; tên gọi khác: Ch M, Ch Tr; Sinh ngày 30 tháng 8 năm 1984, tại: Bình Thuận.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 3, ấp 7, xã A, huyện Qn, tỉnh Bình Phước. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Nguyễn Ngọc T2 và bà: Nguyễn Thị H2; bị cáo có vợ: Lê H10 H3 (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con: Nguyễn Lê Anh V1 và Nguyễn Thành Nh. Tiền án, tiền sự: Không.

Nh thân:

- Ngày 14/7/2005, bị Tòa án Nh dân huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Bình Phước xử phạt 14 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T4 sản” và tội “Trộm cắp T4 sản”.

- Ngày 25/8/2006, bị TAND huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp T4 sản”.

- Ngày 25/8/2009, bị TAND huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp T4 sản”.

- Ngày 16/10/2015, bị Công an thị xã ĐX, tỉnh Bình Phước ra Quyết định xử phạt hành chính số 70/QĐ-XPVPHC, số tiền 700.000^d về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 26/01/2016, bị TAND thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ T4 sản do người khác phạm tội mà có”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/6/2020 cho đến nay.

3. Họ tên: **Mai Thị Minh Đ**; Tên gọi khác: Năm; Sinh ngày 16 tháng 11 năm 1981, tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi đăng ký HKTT: 24/1, đường Đ, pH9 Th, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 205/1, D2, khu phố 4, pH9 LT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề ngH11: Buôn bán. Con ông: Mai Văn Đ (đã chết) và bà: Nguyễn Thị H5 ; bị cáo có cH10: Trần Minh Ch1 (đã chết); bị cáo có 02 người con: Trần Mai Thị H10 A1 và Trần Thiên L.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2020 đến nay.

4. Họ tên: **Nguyễn Văn Th**; Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1981, tại Thanh Hóa;

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 4, khu phố B1, pH9 HCh, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề ngH11: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn D (đã chết); Con bà: Đoàn Thị H6; bị cáo có vợ: Lê Thị L (đã ly hôn); bị cáo có 02 con Nguyễn Văn H7 và Nguyễn Văn Đ1.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nh thân:

Ngày 03/6/2013 bị Tòa án Nh dân thị xã B, tỉnh Bình Phước xử phạt số tiền 5.000.000 đồng về tội “Gây rối trật tự công công”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2020 cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị Kim Y; sinh năm: 1979. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT: Ấp HH1, xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang.

Chỗ ở: Ấp 2, xã TH, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T*:

Luật sư Ông Nguyễn Minh Đăng – Văn phòng luật sư Đăng Minh Bình Phước, Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Ch:*

Luật sư Ông Trịnh Đắc Huỳnh – Văn phòng luật sư Huỳnh và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Mai Thị Minh Đ:*

Luật sư Ông Hồ Phương Bình – Văn phòng luật sư Thành Vinh, Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Th:*

Luật sư Ông Ngô Quốc Chiến – Văn phòng luật sư Quốc Tế, Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. Có mặt.

Luật sư Ông Đỗ Hải Bình – Văn phòng luật sư Quốc Anh, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đoàn Thị H8; sinh năm: 1947.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp X1, pH9 HCH, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn Th2; sinh năm: 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 3, xã TH, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

3. Chị Nguyễn Thị Hoa H10; sinh năm: 1990. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: PH9 TB, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

4. Bà Lê Thị H9; sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Tổ 6, BM, XC1, pH9 HCh, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người B vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Thị H8 - Luật sư Đỗ Hải Bình - Văn phòng luật sư Quốc Anh, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Mai Hồng T2; sinh năm: 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố TB, pH9 TB, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

2. Anh Nguyễn Văn L; sinh năm: 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 3, xã TH, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

3. Ông Nguyễn Văn H11; sinh năm: 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 6, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

4. Anh Nguyễn Duy Qu; sinh năm: 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố SĐ, pH9 TX, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

5. Anh Đinh Văn T3; sinh năm: 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố PM, pH9 TP, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

6. Anh Nguyễn Minh T; sinh năm: 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 115 Nguyễn Hữu C, khu phố PX, pH9 TP, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước

7. Anh Nguyễn Văn H; sinh năm: 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TP, xã BN, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

8. Ông Văn Viết B; sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Khu phố PC, PH9 TP, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

9. Bà Lương Thị Chơn; sinh năm: 1951. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp HH 1, xã HL, huyện PT, tỉnh An Giang.

10. Bà Nguyễn Thị Kim Loan; sinh năm: 1973. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khóm BK 7, PH9 BK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T4 liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 ngày 02/05/2020, Mai Thị Minh Đ (tên gọi khác Năm) được Nguyễn Văn Th điều khiển xe ô tô BKS 93A- 083.92 chở đến nhà T tại 93/49/10 Xô Viết Nghệ Tĩnh, pH9 21, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh chơi. Tại đây, T kể cho cả 02 nghe việc K (có tên thật là Nguyễn Thị Kim Y, SN 1979) có nợ T số tiền 350.000.000^d [BL 11-12]. Qua nói chuyện, Đ biết việc K nợ số tiền này là có liên quan đến việc mua bán ma túy giữa T và K nhưng không biết nội dung cụ thể [BL 238-239]. T nhờ Đ tìm K để lấy số tiền này [BL 242]. Đ rủ T về quán cà phê của Đ tại thị xã B chơi và tính toán việc lấy tiền K nợ. Lúc này tại nhà T còn có bạn của T là Diệp A T4 (tên gọi khác Tàu) nên T rủ T4 đi cùng. Th điều khiển xe chở Đ, T, T4 về quán cà phê của Đ thuê thuộc pH9 PĐ, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Khoảng 21 giờ cùng ngày, tất cả về đến quán cùng ăn uống thì Ch và bạn của Ch là Lâm Văn Th2 (tên gọi khác Út Chi), SN 1983, trú tại: khu phố 2, pH9 TT, thành phố ĐX cùng đến chơi. Tại đây, T kể lại cho tất cả nghe việc K nợ tiền và rủ tất cả cùng đến nhà K lấy tiền, trường hợp nếu K không trả tiền thì uy hiếp tinh thần và đánh để K đưa tiền thì tất cả đồng ý và hẹn đến sáng ngày 03/5/2020 cùng nhau đến thành phố ĐX tìm K lấy tiền.

Do trước đây T có quen biết với Văn Viết B, SN 1983, trú tại: khu phố PC, pH9 TP, thành phố ĐX, nên T rủ Đ, Th, T4, Ch cùng đến thành phố ĐX gặp B hỏi Th thông tin về K và để Ch chỉ nhà của K [BL 241]. Do xe của Th không đủ chỗ ngồi nên Th gọi điện thoại cho Lê Đức H13 (tên gọi khác Trúc), SN 1974, trú tại khu phố PC, pH9 AL, thị xã B - là T4 xế chạy xe dịch vụ để thuê xe 07 hiệu Innova BKS 93A-174.85 chở cả nhóm qua thành phố ĐX. Khi đến thành phố ĐX, sau khi Ch chỉ nhà K ở là quán tạp hóa trên đường ĐT

741 thuộc ấp 01, xã TH, thành phố ĐX, thì T và Đ gọi điện hẹn gặp B tại khu vực ngã tư ĐX. Đến nơi hẹn, T xuống xe gặp B rồi tắt cả quay về thị xã B. Khi về đến khu vực cổng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước thuộc pH9 TT thì Thi xuống xe đi về nhà, còn T, Th, Đ, Ch, T4 về nhà Đ tại thị xã B và cùng thống nhất sáng ngày 03/5/2020 đến nhà K lấy tiền cho T [BL 242], sau đó Th đi về nhà, T, T4, Ch, Đ lại ngủ tại quán của Đ.

Khoảng 09 giờ ngày 03/05/2020, Th điều khiển xe ô tô BKS 93A - 083.92 chở T, T4, Đ và Ch đến thành phố ĐX. Trên đường đi, T gọi điện cho B nhờ B hỗ trợ Th người để uy hiếp tinh thần K, buộc K đưa tiền thì B đồng ý. Khoảng 10 giờ, T, T4, Ch, Đ và Th đến quán cà phê không tên trên đường Hùng Vương thuộc pH9 TB, thành phố ĐX để uống nước và đợi B đến. Sau đó, B cùng với Nguyễn Văn H11, SN 1983, trú tại: ấp 5, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước; Nguyễn Duy Qu, SN 1993, trú tại: khu phố SĐ, pH9 TX, thành phố ĐX; Mai H10 T2, SN 1992, trú tại khu phố TB, pH9 TB, thành phố ĐX; Nguyễn Minh T, SN 1993, trú tại: khu HĐ, thị trấn ĐP, huyện BĐ; Đinh Văn T3, SN 1993, trú tại: khu phố PM, pH9 TP, thành phố ĐX; Nguyễn Hoàng Nh SN 1995, trú tại: ấp TP 3, xã TP, huyện ĐP, đến gặp nhóm của T. B nói với T có chuyện gì thì cứ trao đổi với nhóm của Qu, rồi B cùng với H đi về.

Ch gọi điện thoại cho bạn là Nguyễn Văn L (tên gọi khác Viên), SN 1990, trú tại: ấp 3, xã TH, thành phố ĐX, nhờ L chở Đ đến nhà K nhằm mục đích thăm dò xem chị K có ở nhà hay không. Sau đó, Ch nói Th chở Ch và Đ đến khu vực ngã ba Trạm điện thuộc pH9 TB, thành phố ĐX để L chở Đ đến nhà K. Còn L sau khi nghe điện thoại của Ch đã mượn xe mô tô hiệu Wave màu đen BKS 93F2-600.00 của bạn là anh Nguyễn Văn Th2, SN 1986, trú tại: ấp 03, xã TH, thành phố ĐX, Bình Phước nói là đi công việc, rồi điều khiển xe trên đến ngã ba Trạm điện đợi sẵn. Th điều khiển xe ô tô chở Ch và Đ đến nơi hẹn thì Ch nói Đ xuống xe để L chở Đ đi, Th điều khiển xe chở Ch quay lại quán cà phê đợi điện thoại thông báo của Đ [BL 242].

Vào lúc 11 giờ 44 phút cùng ngày, L điều khiển xe mô tô trên chở Đ chạy vào trong sân quán tạp hóa của K. L xin tiền Đ mua đồ dùng, Đ đưa tiền cho L đi vào trong quán mua, còn Đ vào trong quán trả tiền và quan sát thấy K đang nấu cơm ở bếp, còn anh Nguyễn Văn H, SN 1992, ngụ tại: thôn TP, xã BN, huyện PR - là bạn K đang đứng trông coi quầy tạp hóa giúp K. Khoảng 11 giờ 49 phút L điều khiển xe đi về, còn Đ gọi điện thoại báo cho T biết, sau đó đi bộ ra ngoài đường đứng đợi nhóm của T đến [BL 242; 469-477].

Sau khi nghe điện thoại của Đ thông báo có K ở nhà thì Th điều khiển xe ô tô chở T, T4 và Ch; Qu điều khiển xe Suzuki Sport BKS 59H1 - 137.47 của Qu chở T2; T3 điều khiển xe Exciter BKS 93T6 - 0975 của T3 chở Nh; Nguyễn Minh T điều khiển xe Wave BKS 93P1 - 905.05 (xe mượn của T2) cùng đi theo xe ô tô của Th đến nhà K. Trên xe T nói “giờ xuống dưới đó,

nếu nhà có người thì không chế, có T4 sản gì có giá trị thì lấy”. Vào khoảng 11 giờ 57 phút thì xe của Th dừng trước cổng quán nhà K, T, Ch và T4 xuống xe đi thẳng vào trong quán, còn Th điều khiển xe cách nhà K khoảng 50m thì dừng xe. Cùng lúc này, nhóm đi 04 xe mô tô trên gồm Qu, T2, T3, Nh, H và Minh T chạy vào trong sân trước cửa nhà K và đứng ngoài sân khoảng 3-4 phút thì lần lượt chạy xe bỏ đi. Lúc này, K đang nấu ăn ở bếp, T, T4 đi lại chỗ K, còn Ch ở quầy tạp hóa yêu cầu anh H bỏ hết điện thoại lên bàn nên H bỏ điện thoại iphone 7 và điện thoại không rõ hiệu, loại phím bấm của H để lên mặt kệ đựng tạp hóa. T yêu cầu K đưa tiền và lấy 02 con dao (01 con dài 25,5 cm cán gỗ và 01 con dài 28,5cm, cán nhựa màu đen) tại bếp nhà K, hai tay cầm dao đứng đối diện với K, kê sống dao vào 02 bên cổ K rồi yêu cầu đưa tiền, sau đó K bị T4 kéo vào trong phòng. Ch đi đến cùng T4 đứng chặn ở cửa không cho K chạy ra ngoài. T bỏ 02 con dao xuống nền rồi đâm nhiều cái vào người K nói “tiền để đâu” [BL 478], K kêu khóc rồi lấy tiền (mệnh giá từ 10.000^d đến 100.000.000^d) ở rổ nhựa trong phòng và 01 cọc tiền (mệnh giá 100.000^d đến 200.000^d) ở dưới nệm đưa cho T, T cầm tiền rồi đưa cho T4 cất giữ (khoảng 5.500.000^d). T tiếp tục yêu cầu K đưa tiền nhưng K không đưa và nói “hết rồi, còn có nhiều đó thôi”. T nhiều lần nói K “chìa khóa đâu” nhưng K không đưa nên T4 dùng tay, chân đập phá làm bung cánh cửa tủ gỗ trong phòng, phát hiện có 01 túi xách màu đen và 01 túi xách màu đỏ, kiểm tra túi xách màu đen thấy không có tiền và kiểm tra túi xách màu đỏ thấy có tiền, vàng nên T4 nói “có đây rồi” rồi cầm hai túi xách đi ra ngoài.

Trong lúc nhóm T, T4, Ch Đg ở trong nhà thì Đ và Th đi từ ngoài đường vào trong sân nhà K. Th đi đến đứng cửa nhìn vào trong 01 lúc rồi đi ra sân đứng hút thuốc chờ, còn Đ đi đến chỗ T và K gọi nhóm T, T4 về “nhanh nhanh đi rồi rút thôi” [BL 479]. T đi ra thì thấy chị K lấy điện thoại ra gọi nên T quay lại giật 01 điện thoại Samsung và điện thoại Oppo trên tay K và tạt 2-3 cái vào mặt K. Thấy T chưa đi ra, Đ tiếp tục đi vào trong nhà gọi T về rồi đi ra sân nói T “cắt vàng nó hết đi, lấy kéo cắt hết đi” “vàng vàng vòng”, “rút cái đầu, lấy hết camera luôn đi”. Lúc này Đ đi ra đi vào từ phía trong quán ra sân (lúc này có Th Đg ở ngoài sân hút thuốc) nói lớn, nội dung: “thấy cái đầu gắn camera không, ổ cứng camera, lấy ổ cứng được rồi, lấy điện thoại, lấy ổ cứng là được rồi, cái camera đây nè, ô kê giựt nó xuống”, “Rút camera đi, tháo đem xuống cho tao”... [BL 632] nhằm mục đích đập thiết bị phát sóng Wifi để camera không ghi được dữ liệu hình ảnh, đồng thời có lời lẽ chửi bới K “ĐM giờ giết nó nó giết lại phải rồi...”. T đi ra tháo cục phát sóng Wifi ở gần cửa phòng ngủ, lấy 2 điện thoại của Huỳnh trên tủ kính đi ra ném điện thoại xuống sân nhà K và vứt cục phát sóng Wifi ra gần cột điện bên cạnh nhà K rồi T, T4, Ch và Đ lên xe ô tô do Th điều khiển chở về hướng tỉnh Bình Dương. Trên đường đi, Ch chỉ đường cho Th điều khiển xe ô tô vào khu vực đường hẻm cách nhà K một

đoạn. Khi vào đến khu vực lộ cao su thì T hạ kính xe ném các điện thoại đã lấy của K xuống đường rồi đi tiếp về hướng thành phố Hồ Chí Minh.

Khi đến khu vực ngã ba C thuộc địa phận huyện N, tỉnh Bình Dương thì T nói Th gọi cho T 01 xe taxi để chở T, T4 và Ch về Thành phố Hồ Chí Minh và đưa cho Th 1.200.000^d, Th và Đ quay về thị xã B. Khi đến thành phố T, tỉnh Bình Dương thì Ch xuống xe, T nói T4 đưa tiền cho Ch nên T4 đưa cho Ch 250.000^d. Về đến Thành phố Hồ Chí Minh, T và T4 mở giỏ xách ra kiểm tra thì thấy trong giỏ có 70.000.000^d và rất nhiều vàng. T đưa cho T4 70.000.000^d. Do trước đó T có nợ B số tiền 100.000.000^d nên T và T4 cùng đi bán 01 nhẫn vàng “9999” chiếm đoạt của Y có trọng L 01 L được số tiền 42.000.000^d. T đã đưa Th cho T4 30.000.000^d và số T4 khoản của B để T4 chuyển trả cho B 100.000.000^d, còn 12.000.000^d T tiêu xài hết. Sau đó T4 gọi điện thông báo cho T biết không chuyển được tiền cho B. T mang theo vàng chiếm đoạt của Y bỏ trốn về tỉnh Trà Vinh. Trên đường bỏ trốn, T tiếp tục bán 02 nhẫn (01 L vàng “9999”) được 43.000.000^d và tiêu xài hết [BL 11-12; 63-64; 113-146; 151-197; 203-248; 265-297; 324-344; 347-376; 391-455; 456-511; 518-525; 526-564; 610-632].

Kết quả tra cứu của Tổng Công ty Dịch vụ Mobifone – Trung T tính cước và thanh toán về thông tin chủ thuê bao; nhật ký điện thoại các cuộc gọi đi, cuộc gọi đến; tin nhắn đi, tin nhắn đến; vị trí liên lạc của 02 số điện thoại 0937170999, 0903917179, từ ngày 01/5/2020-05/5/2020: chủ thuê bao số điện thoại 0903917179 là Mai Thị Minh Đ; chủ thuê bao số điện thoại 0937170999 là Trương Văn Ân, SN 18/6/1987; số CMND: 046087000054, ngày cấp 14/10/2016; trú tại: 81.217 C/c 53 Nguyễn S, pH9 PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh [BL600-605];

Kết quả tra cứu của Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel: chủ thuê bao số điện thoại 0961313393 là Mai Thị Minh Đ; chủ thuê bao số điện thoại 0987619202 là Nguyễn Văn Th [BL 606-609].

Ngày 05/5/2020, Nguyễn Thành T, Mai Thị Minh Đ ra đầu thú tại Công an pH9 Bình Thọ, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh và bị tạm giữ. T giao nộp số vàng chiếm đoạt của chị Y còn lại, gồm [BL 63-64; 528-531]:

- 01 bộ vàng xi men bằng kim loại màu vàng gồm 13 chiếc;
- 02 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng (loại lắc trơn);
- 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng gồm 09 sợi dây nhỏ;
- 13 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn trơn;
- 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có hình chim công;
- 03 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính hạt màu trắng;
- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính hạt màu xanh lá cây;
- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính nhiều hạt màu trắng;
- 01 vật có hình nanh động vật màu nâu có bọc kim loại màu vàng;
- 01 lắc đeo tay có hình dây xích bằng kim loại màu vàng;

- 01 sợi dây chuyền hình trái tim có đính hạt màu trắng bằng kim loại màu vàng;

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng gồm 05 sợi nhỏ;

- 02 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dạng trơn;

- 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng hình tròn có đính hạt trắng, có 05 sợi nhỏ;

- 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng hình chữ C;

- 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có đính hạt màu trắng ở giữa;

- 01 vật bằng kim loại màu vàng có hình bầu dục.

* T4 liệu, đồ vật thu giữ của Mai Thị Minh Đ [BL 532]:

- 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng, đã qua sử dụng (mật KH8 mở khóa mà hình: 161179; Zalo mật KH8: 1679).

Ngày 07/5/2020 Nguyễn Văn Th ra đầu thú tại Công an thành phố ĐX và bị tạm giữ và giao nộp [BL 11-12 533-534]:

- 01 xe ô tô Chevrolet Aveo BKS: 93A- 083.92;

- 01 điện thoại Oppo màu đen;

- 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng đã qua sử dụng (mật KH8 mở khóa mà hình: 118181; Zalo mật KH8: 1123);

Ngày 07/6/2020 Nguyễn Ngọc Ch bị bắt giữ để xử lý.

Riêng bị can Diệp A T4 bỏ trốn nên ngày 24/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can số 14 và Quyết định truy nã số 126.

* Các đồ vật, T4 liệu thu giữ trong quá trình điều tra gồm [BL113-115]:

- 01 con dao bằng kim loại dài 28,5 cm cán gỗ, lưỡi dao dài 18,5cm, bản rộng nhất 4,7cm, dạng một lưỡi, đầu nhọn;

- 01 điều thuốc lá hiệu HERO, đã hút dở dài 7,5cm;

- 01 con dao bằng kim loại dài 28cm, cán nhựa màu đen, trên có KIWI, lưỡi dao dài 16,5cm, bản rộng nhất 3,5cm, dạng dao một lưỡi sắc, đầu nhọn;

- 01 chai nước hiệu AQUAPLUZA, đã uống dở;

- 01 điều thuốc lá hiệu JET, đã hút dở, dài 4,5cm;

- 01 ổ khóa màu vàng Đg tình trạng mở;

- 02 cục gỗ, lần lượt có kích thước (14,5x14,7x5)cm; (14,5x 13,7 x 5,2)cm;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu vàng – đen, BS: 93T6 – 0975.

- 01 e mô tô nhãn hiệu Wave màu đen, BS 93P2 – 600.60 [BL534].

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng, BS 93P1 – 905.05.

- 01 (một) bàn gỗ có kích thước (42 x 110 x 71) cm; ngăn bàn có kích thước (40 x 42 x 71) cm, ngăn bàn có cánh cửa bị bể vỡ, bung ra khỏi ngăn bàn [BL 537].

- 02 (hai) thẻ nhớ loại 32 GB [BL 526-527].

* T4 liệu do gia đình bị cáo Nguyễn Văn Th giao nộp:

- Số tiền khắc phục hậu quả: 10.000.000^d

- Số tiền thu lợi bất chính: 1.200.000^d;

- 02 Giấy đề nghị nghị xác nhận, nội dung: bà Đoàn Thị Hậu đề nghị và đã được UBND xã Hoàng Đại, thành phố Thanh Hoa xác nhận ngày 22/4/2021 là bà H8 có tham hoạt động kháng Ch chống Mỹ cứu nước;

- 02 đơn xin lại T4 sản ghi ngày 22/4/2021, nội dung xin lại xe ô tô BKS 93A-083.92;

- 02 đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Văn Th;

- 02 Giấy ủy quyền (không có công chứng) ghi ngày 04/01/2017, nội dung: Bà Đoàn Thị H8 bỏ toàn bộ số tiền ra để mua xe ô tô hiệu Aveo nhưng ủy quyền cho con trai là Nguyễn Văn Th thay mặt bà H8 đứng ra mua xe ô tô và sử dụng, quản lý, khai thác để lấy thu nhập lo cho bà và các con của Th.

Quá trình điều tra chỉ Y xác định số T4 sản bị chiếm đoạt gồm: 37 L vàng 24K, khoảng 30 L vàng 18 K, 02 nhẫn vàng 24K và 01 dây chuyền vàng 18K; khoảng 3.700.000^d tiền lẻ và 415.000.000^d mệnh giá từ 100.000^d đến 500.000^d và 04 điện thoại di động.

* Kết luận định giá T4 sản số 77 ngày 07/5/2020 của Hội đồng định giá T4 sản trong tố tụng hình sự thành phố DX, tỉnh Bình Phước, kết luận [BL 550-554]:

- 05 nhẫn vàng loại vàng 9999, có tổng trọng L 05 L, giá trị: 231.500.000^d;

- 07 nhẫn vàng loại vàng 9999, có tổng trọng L 3,5 L, giá trị: 162.050.000^d;

- 01 lắc đeo tay bằng vàng, loại vàng 980; 01 dây chuyền vàng, loại vàng 980; 01 nhẫn vàng có hình chim công loại vàng 980; 01 nhẫn đeo tay bằng vàng loại vàng 980 có đính nhiều hạt đá màu trắng. Tổng trọng L là 1,615 L, trong đó 2,1 phân là hạt đá, trọng L vàng 980 là 1,594 L có giá trị: 72. 686.400^d.

- 01 bộ xi men bằng vàng gồm 13 chiếc, 03 sợi dây chuyền vàng, 03 lắc tay vàng, 03 đôi bông tai bằng vàng, 01 mặt dây chuyền hình nanh động vật bằng vàng hình bầu dục. Tổng trọng L là 8,899 L, trong đó 6,03 chỉ là hạt đá, trọng L vàng 610 là 8,296 L có giá trị là 238.924.800^d. Số hạt đá không có cơ sở định giá.

Tổng cộng: 705.161.200^d.

* Kết luận định giá T4 sản số 910 ngày 28/4/2021 của Hội đồng định giá T4 sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Phước, kết luận [BL 555-564]: Điện thoại Samsung A10 màu đen – trắng trị giá 2.815.570^d; Điện thoại nokia màu đen, model TA-1174 trị giá 363.987^d; Điện thoại Samsung Note 10 Plus 64GB màu xanh trị giá 17.109.420^d; Điện thoại Oppo F9 màu đỏ trị giá 6.719.216^d và chi phí khôi phục lại hiện trạng ban đầu bàn gỗ bị hư hỏng của bị hại Nguyễn Thị Kim Y là 450.000đ. Tổng giá trị T4 sản là 27.494.193^d. Thiết bị phát sóng Wifi của Công ty cổ phần Bưu chính Viettel – Chi nhánh Bình Phước, tại thời

điểm lắp đặt (tháng 8/2019) không tính giá trị bộ thiết bị phát sóng Wifi nên Hội đồng xem xét không tính giá trị bộ thiết bị phát sóng Wifi của nhà mạng Viettel.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 03 xe mô tô BKS 93T6 – 0975, xe mô tô BKS 93P2 – 600.60 và xe mô tô BKS 93P1 – 905.05 mà Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước đã thu giữ trong quá trình điều tra, ngày 28/4/2021, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 17, trả lại 03 xe mô tô trên cho chủ sở hữu hợp.

- Đối với số vàng do Nguyễn Thành T giao nộp có tổng trọng L 19,014 L vàng, Cơ quan CSĐT niêm phong và nhập vào T4 khoản tạm giữ của Cơ quan CSĐT tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Phước.

Tại cáo trạng số 12/CT-VKS-P1 ngày 27/5/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát Nh dân tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Nguyễn Thành T (Nhóc), Mai Thị Minh Đ (Năm), Nguyễn Văn Th và Nguyễn Ngọc Ch (Ch M, Ch Trạch) về tội “Cướp T4 sản”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Ngọc Ch, Mai Thị Minh Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa ngày 06/5/2022, bị cáo Nguyễn Văn Th không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo cho rằng việc Viện Kiểm sát Nh dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo về tội “Cướp T4 sản” theo điểm a khoản 4 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 với vai trò đồng phạm giúp sức là oan cho bị cáo. Tuy nhiên phiên tòa ngày 11/5/2022, bị cáo Nguyễn Văn Th thay đổi lời khai. Cụ thể bị cáo thừa nhận mình có nghe các bị cáo khác bàn bạc đi qua nhà bị hại đòi nợ nhưng do bị cáo không tham gia dùng vũ lực, không dùng lời nói kích động, không tham gia bàn bạc cùng các bị cáo. Bị cáo thừa nhận được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Thị Kim Y vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử tuyên được nhận lại số vàng mà bị cáo T đã giao nộp khi đi ra đầu thú và không yêu cầu các bị cáo bồi tH9 gì Th. Ngoài ra bị hại còn xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát Nh dân tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

- *Về tội danh:* Đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T (Nhóc), Mai Thị Minh Đ (Năm), Nguyễn Văn Th và Nguyễn Ngọc Ch (Ch M, Ch Trạch) về tội “Cướp T4 sản”.

** Về hình phạt chính:*

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thành T (Nhóc) từ 19-20 năm tù giam.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Mai Thị Minh Đ (Năm) từ 11 - 12 năm tù giam.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Ch (Ch M, Ch Trạch) từ 11 đến 12 năm tù giam.

4. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 07 đến 08 năm tù giam.

- *Hình phạt bổ sung:* Không.

b) Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 BLTTH, đề nghị HĐXX tuyên:

- Hoàn trả cho bị hại K toàn bộ số vàng mà bị cáo T đã giao nộp;
- Tịch thu và tiêu hủy những đồ vật, T4 liệu không có giá trị sử dụng.
- Tịch thu và sung vào ngân sách Nhà nước những T4 sản là các điện thoại mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.
- Hoàn trả cho các bị cáo những T4 sản là các điện thoại mà các bị cáo không sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.
- Trả cho Bà Đoàn Thị H8 chiếc xe ô tô BKS 93A-083.92.

c) Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 584, 585, 587, 589 BLDS năm 2015, đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo T phải bồi tH9 số tiền đã chiếm đoạt tổng cộng là 893.155.393^d, khấu trừ đi số tiền 705.161.200^d theo kết quả định giá T4 sản số vàng mà bị cáo T đã giao nộp khi đầu thú; trừ đi số tiền 10.000.000^d mà bị cáo Th tác động gia đình bồi tH9 khắc phục hậu quả, số tiền 3.000.000 đồng bị cáo Đ nộp khắc phục hậu quả; số tiền 3.000.000 đồng bị cáo Ch nộp khắc phục hậu quả và số tiền thu lợi bất chính là 1.200.000^d.

Tôn trọng sự thỏa thuận tự nguyện của bị hại Nguyễn Thị Kim Y (K) chỉ yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền chiếm đoạt đã thu giữ, số tiền các bị cáo đã khắc phục hậu quả và số tiền số tiền thu lợi bất chính là 1.200.000^d mà bị cáo Th giao nộp.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho các bị cáo:

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T:* Luật sư Ông Nguyễn Minh Đăng :

Luật sư không có ý kiến về tội danh mà Viện Kiểm sát Nh dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo T. Tuy nhiên về mức hình phạt đề xuất xử phạt bị cáo T thì có phần nghiêm khắc. Theo lời khai của bị cáo T thì bị hại là người nợ tiền, bị cáo T được bạn nhờ đi đòi nợ. Mục đích ban đầu của các bị cáo là đi đòi nợ. Bản thân bị cáo T trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp lại phần lớn T4 sản mà mình đã cướp nhằm khắc phục một phần thiệt hại; bị cáo là người có Nh thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Mức án luật sư đề nghị HĐXX tuyên đối với bị cáo từ 13 – 14 năm tù.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Ch:* Luật sư Ông Trịnh Đắc Huynh:

Bị cáo Ch tham gia cướp T4 sản là do bị cáo T rủ rê. Bị cáo Ch có hoàn cảnh khó khăn, vợ cH10 ly hôn, trước khi phạm tội bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi 02 con nhỏ và cha mẹ già yếu, bị cáo có nhận thức pháp luật còn hạn chế. Vì vậy trong quá trình điều tra bị cáo Ch không thừa nhận hành vi của mình nhưng tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Ch có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Mai Thị Minh Đ: Luật sư Ông Hồ Phương Bình:

Bị cáo Đ là người có lời nói, cử chỉ kích động, tiếp sức cho các bị cáo. Nhưng việc thực hiện các hành vi của các bị cáo khác không phụ thuộc vào lời nói, cử chỉ vì các bị cáo khác đã thực hiện một số hành vi trước đó. Khi thực hiện xong hành vi cướp T4 sản thì bị cáo không được bị cáo T chia cho một phần nào trong số T4 sản đã cướp, không được hưởng lợi. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả, bị cáo có Nh thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bản thân bị cáo bị bệnh hiểm nghèo, bị cáo là phụ nữ. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều

51 của BLHS. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Đ mức án thấp hơn mức án của các bị cáo khác.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Th: Luật sư Ông Ngô Quốc Ch – Văn phòng luật sư Quốc Tế, Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước; Luật sư Ông Đỗ Hải Bình – Văn phòng luật sư Quốc Anh, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Luật sư Đỗ Hải Bình: Ngày 06/5/2022 Luật sư có ý kiến về tội danh mà Viện Kiểm sát Nh dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo Th. Các bị cáo T, Ch, Đ bị truy tố về tội “ Cướp T4 sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 của Bộ luật hình sự thì không có ý kiến nhưng Luật sư cho rằng bị cáo Th không phạm tội cướp T4 sản bởi các lý do sau: Bị cáo không nghe, biết việc các bị cáo khác bàn bạc để cướp T4 sản; không dùng lời nói kích động, không trực tiếp tham gia cướp T4 sản. Đến ngày 11/5/2022, bị cáo Th thay đổi lời khai do đó luật sư thay đổi quan điểm bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Luật sư Ngô Quốc Ch: Về mặt tội danh thì chưa có cơ sở để truy tố bị cáo Th về tội cướp T4 sản được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 của BLHS với vai trò đồng phạm. Bị cáo là người chạy xe dịch vụ và đã được trả tiền công 1.200.000 đồng. Do là người được thuê chạy xe chở người khác thì bị cáo không quan T đến việc của người khác, bị cáo không cùng bàn bạc, không tiếp nhận ý chí từ các bị cáo khác, không trực tiếp la hét, không trực tiếp dùng vũ lực, không trực tiếp hô hào kích động các bị cáo khác mà bị cáo chỉ đứng ngoài mà sau khi xảy ra sự việc thì cơ quan điều tra mời lên làm việc thì bị cáo cũng khai báo sự việc mình biết. Việc Viện Kiểm sát Nh dân tỉnh cho rằng bị cáo quanh co chối tội là chưa chính xác vì bị cáo chỉ chứng kiến những sự việc nào thì đã khai báo rõ và đã hoàn trả 1.200.000 đồng tiền công chở mà các bị cáo đã trả cho Th. Sự việc xảy ra là trong phòng của bị hại trong khi bị cáo là người lái xe và không có bàn bạc hay tiếp nhận ý chí với các bị cáo khác. Do đó đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Th không phạm tội. Ngày 11/5/2022, bị cáo Th thay đổi lời khai, thừa nhận hành vi phạm tội tuy nhiên Luật sư Ch không có mặt.

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H8: Luật sư Đỗ Hải Bình:

Luật sư cho rằng nguồn gốc số tiền để mua chiếc xe mà bị cáo Th chở các bị cáo đi cướp là của bà H8. Bà H8 đã đưa tiền cho bị cáo đi mua xe để lấy phương tiện kiếm sống, nuôi cả gia đình và thỏa thuận cho bị cáo Th đứng tên sở hữu. Chiếc xe là mua trả góp hàng tháng, bà H8 đưa cho bị cáo đi đóng. Đề nghị HĐXX tuyên trả lại chiếc xe ô tô Chevrolet Aveo BS 93A – 083.92 cho bà H8.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T4 liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bình Phước, Viện kiểm sát Nh dân tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thành T (Nhóc), Mai Thị Minh Đ (Năm) và Nguyễn Ngọc Ch (Ch M, Ch Trạch), Nguyễn Văn Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội cơ bản như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Xét thấy, lời khai của các bị cáo cơ bản phù hợp nhau, với biên bản tiếp nhận người ra đầu thú, trích xuất dữ liệu điện tử từ camera, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản Kết luận định giá T4 sản, vật chứng của vụ án cùng những T4 liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 02/5/2020, Nguyễn Thành T kể lại cho các bị cáo Mai Thị Minh Đ Nguyễn Ngọc Ch và Nguyễn Văn Th, bị can Diệp A T4 nghe việc chị Nguyễn Thị Kim Y (K) nợ tiền và rủ tất cả cùng đến nhà Y (K) lấy tiền, trường hợp nếu K không trả tiền thì uy hiếp tinh thần và đánh để K đưa tiền thì tất cả đồng ý và hẹn đến sáng ngày 03/5/2020 cùng nhau đến thành phố ĐX tìm K lấy tiền. Khoảng 11 giờ 57 phút ngày 03/5/2020, Th đã dùng xe ô tô BKS 93A – 083.92 chở T, T4, Ch, còn Đ được Nguyễn Văn L chở đến nhà của chị Y. Tại đây T4, Ch, T đã dùng vũ lực chiếm đoạt tiền, vàng của chị K có tổng trị giá 867.761.200^d và 04 điện thoại trị giá 27.494.193 đồng. Tổng số T4 sản các bị cáo chiếm đoạt của chị Y là 896.255.393 đồng.

Do đó Cáo trạng số 12/CTr-VKS-P1 ngày 27/5/2021 của Viện kiểm sát Nh dân tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Nguyễn Thành T (Nhóc), Mai Thị Minh Đ (Năm), Nguyễn Văn Th và Nguyễn Ngọc Ch (Ch M, Ch Trạch) về tội “Cướp T4 sản”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu T4 sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự B vệ đồng thời xâm phạm đến trật tự công cộng, gây T lý

hoang mang trong quần chúng Nh dân, ảnh hưởng đến tình hình trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc chiếm đoạt T4 sản của người khác là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do vậy cần phải xử các bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm. Trong đó bị cáo Nguyễn Thành T (Nhóc) là người giữ vai trò chính, người khởi xướng rủ các bị cáo khác đồng thời là người thực hành thực hiện hành vi dùng dao khống chế bị hại Nguyễn Thị Kim Y (K) để chiếm đoạt tiền, vàng của chị K, trong đó số vàng mà bị cáo giao nộp theo kết luận định giá T4 sản có trị giá 705.161.200^d; 04 điện thoại trị giá 27.494.193^d; số tiền mặt 75.500.000^d (5,5 triệu + 70 triệu) và số tiền bán 02 L vàng 9999 theo lời khai của T là 85.000.000^d. Tổng số tiền, vàng, điện thoại bị T cùng đồng phạm chiếm đoạt của chị K có tổng trị giá là 893.155.393^d. Bị cáo đã thực hiện 01 tội phạm “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc tội đặc biệt nghiêm trọng, liền sau đó bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “Cướp T4 sản” cũng thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, thể hiện sự xem thường pháp luật. Vì vậy, cần có 01 mức án cao hơn các bị cáo Đ, Ch, Th mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện. Xét thấy việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn dài là phù hợp và đã đảm bảo tính răn đe và sự nghiêm minh của pháp luật.

- Bị cáo Mai Thị Minh Đ có vai trò đồng phạm người giúp sức với bị cáo T, có hành vi bàn bạc, đi thăm dò nhà bị hại trước để báo cho các bị cáo khác đến nhà bị hại; có lời nói và hành vi kích động, chỉ dẫn cho các bị cáo T, T4 và Ch sử dụng vũ lực chiếm đoạt tiền, vàng, điện thoại của bị hại K cũng như đập phá các thiết bị lưu giữ hình ảnh camera nhằm trốn tránh phát hiện của cơ quan Công an, thể hiện qua bản lược dịch nội dung tại camera thu giữ tại nhà bị hại K (*nơi xảy ra tội phạm*) như “cắt vàng nó hết đi, lấy kéo cắt hết đi, vàng vòng...rút cái đầu,lấy hết camera luôn đi...[BL 632]. Xét thấy bị cáo Đ Đg bị bệnh hiểm nghèo ung thư và AIDS giai đoạn cuối; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cần xem xét mức án của bị cáo Đ thấp hơn các bị cáo T, Ch nhưng cao hơn bị cáo Th.

- Bị cáo Nguyễn Ngọc Ch (Ch M, Ch Trạch) có vai trò đồng phạm giúp sức với bị cáo T, có hành vi chỉ dẫn các bị cáo khác đến nhà bị hại K, cùng vào trong nhà bị hại K cùng bị cáo T và T4 dùng vũ lực chiếm đoạt tiền, vàng và điện thoại của bị hại K; bị cáo chỉ có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và một số tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS và có Nh thân xấu, cần xem xét mức án của bị cáo Ch thấp hơn bị cáo T nhưng cao hơn bị cáo Th, Đ.

- Bị cáo Nguyễn Văn Th đã biết rõ sự bàn bạc của các bị cáo khác về việc chiếm đoạt tiền của bị hại K, đã cùng tiếp nhận ý chí nên đã cùng nhau đi đến thành phố ĐX để Ch chỉ nhà của K và để T gặp B trao đổi nhờ B cho người hỗ trợ vòng ngoài cho T khi T vào trong nhà K; tiếp nhận ý chí nên đã điều khiển xe ô tô biển số 93A- 083.92 chở các bị cáo Đ và Ch đi đến ngã ba Trạm điện để bị cáo Đ đi thăm dò nhà chị K xem chị K có ở nhà hay không; chở các bị cáo T, T4, Ch đến nhà chị K thực hiện hành vi dùng vũ lực cướp T4 sản. Quá trình các bị cáo khác thực hiện hành vi cướp T4 sản thì tại nơi xảy ra tội phạm, tại thời điểm xảy ra tội phạm bị cáo đứng ở cửa nhìn vào quan sát sự việc với khoảng cách chiều dài nhà của K thuê chỉ có 04 mét đã nhìn thấy, biết, chứng kiến sự việc các bị cáo khác Đg thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù bị cáo Th không có hành động, lời nói nào kích động các bị cáo khác, không có hành vi dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực đối với bị hại nhưng cũng không có bất kỳ hành động nào can ngăn các bị cáo khác; sau khi hoàn tất hành vi cướp T4 sản của chị K, Th tiếp tục chở 04 bị cáo bỏ trốn về hướng tỉnh Bình Dương. Trên xe thì các bị cáo khác hạ kính xe của Th để ném điện thoại xuống đường và cũng nói chuyện nên Th biết rõ đã các bị cáo đã dùng vũ lực (đánh) bị hại K lấy được tiền của K nhưng vẫn tiếp tục chở các bị cáo về thành phố Hồ Chí Minh theo chỉ dẫn đường của bị cáo Ch. Hành vi của bị cáo Th là đồng phạm với giúp sức cho các bị cáo T, Đ, T4, Ch. Do đó mức án của bị cáo Th là thấp hơn bị cáo T và Đ, Ch.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thành T, Mai Thị Minh Đ, Nguyễn Ngọc Ch thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân đây là tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo T khi ra đầu thú đã lại nộp một phần T4 sản đã chiếm đoạt của bị hại, bị cáo Th đã nộp 10.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả, nộp 1.200.000 đồng tiền thu lợi bất chính, các bị cáo Đ, Ch đã nộp 3.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Do đó các bị cáo T, Th, Đ, Ch được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Các bị cáo T, Đ, Th sau khi thực hiện tội phạm thì đã đi đầu thú hành vi của mình; các bị cáo Th, Ch có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình đang nuôi con nhỏ và cha mẹ già yếu; bị cáo T, Đ có Nh thân tốt, không có tiền án tiền sự; các bị cáo Th, Đ đang bị bệnh hiểm nghèo; các bị cáo T, Đ, Ch, Th được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Đối với bị cáo Th, tại phiên tòa ngày 06/5/2022 bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên đến phiên tòa ngày 11/5/2022 bị cáo thừa nhận hành vi của bản thân. Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình, do nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế nên bị cáo không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tại phiên tòa ngày 11/5/2022, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi của mình. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Đ, Ch, Th có 02 tình tiết giảm nhẹ được định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy vai trò của các bị cáo trong vụ án là giúp sức, vai trò không đáng kể cần áp dụng Điều 54 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Đối với bị cáo T là người khởi xướng, thực hành đóng vai trò tính cực trong vụ án, bị cáo không được áp dụng Điều 54 nhưng được HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự.

[6]. Đối với bị can Diệp A T4 sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt T4 sản đã bỏ trốn nên ngày 24/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định Tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can số 14/QĐ-VPCQCSĐT và Quyết định truy nã bị can số 126/QĐ-VPCQCSĐT đối với Diệp A T4 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Đối với Văn Viết B: Mặc dù lời khai của bị cáo Mai Thị Minh Đ và Nguyễn Thành T xác định có gọi cho B, nhờ B cho biết thông tin về K và tìm người hỗ trợ vòng ngoài giúp T lấy tiền của K; kết quả trích xuất camera tại quán cà phê có B xuất hiện tại thời điểm nhóm của T cũng Đg ở trong quán; T còn xác định đưa số tiền 100.000.000^d từ số tiền chiếm đoạt của K và số T4 khoản của B cho bị can Diệp A T4 để T4 chuyển số tiền này vào T4 khoản của B. Tuy nhiên, lời khai của B phủ nhận lời khai của T và các bị cáo khác, B xác định T rủ B đi nhậu; không có T4 liệu thể hiện nội dung trao đổi, bàn bạc giữa T, Đ và B liên quan đến việc giúp T lấy T4 sản của K; kết quả trích xuất hình ảnh qua camera tại nhà K – nơi và thời điểm xảy ra tội phạm không có mặt của B; kết quả tra cứu T4 khoản Ngân hàng cũng không có số tiền 100.000.000^d chuyển vào T4 khoản của B như T khai. Mặt khác, do bị can T4 đã bỏ trốn nên không có cơ sở xác định T4 đưa số tiền này trong tổng số T4 sản chiếm đoạt của bị hại K cho B. Vì vậy, không đủ căn cứ xử lý Văn Viết B vai trò đồng phạm giúp sức với Nguyễn Thành T và Mai Thị Minh Đ về hành vi “Cướp T4 sản”.

[8]. Đối với Nguyễn Văn H11, Nguyễn Duy Qu, Mai H10 T2, Nguyễn Minh T, Đinh Văn T3 và Nguyễn Hoàng Nh: Lời khai của bị cáo Mai Thị Minh Đ và Nguyễn Thành T xác định những đối tượng trên đến quán cà phê và đến

nhà K là do B gọi đến vì nhóm của T không quen biết nhóm của H11. Tuy nhiên, lời khai của H11, Qu, T2, Minh T, T3 và Nh xác định B gọi điện thoại đến nhậu với bạn của B là nhóm của T. Việc nhóm của H11 đến nhà K là đi nhậu theo lời mời của T. Tuy nhiên, khi đến nhà K thấy nhóm của T đến nhà K không phải là đi nhậu nên đã bỏ đi. Kết quả trích xuất camera tại quán cà phê có hình ảnh H11, Qu, T2, Minh T, T3 và Nh xuất hiện tại tại nhà K – nơi và thời điểm xảy ra tội phạm. Tuy nhiên, không có T4 liệu thể hiện nội dung trao đổi, bàn bạc giữa T với nhóm của H11, B; không có hình ảnh thể hiện nhóm của H11 có lời nói kích động hay hành động nào đe dọa, uy hiếp K giúp T cùng đồng phạm thực hiện tội phạm mà chỉ có hình ảnh bỏ đi khỏi nơi xảy ra tội phạm. Vì vậy, không đủ căn cứ xử lý H11, Qu, T2, Minh T, T3 và Nh vai trò đồng phạm giúp sức với Nguyễn Thành T và Mai Thị Minh Đ về hành vi “Cướp tài sản”.

[9]. Đối với Nguyễn Văn L (Viên), SN 1990, trú tại: ấp 3, xã TH, thành phố ĐX, là người được Ch gọi điện nhờ chở bị cáo Đ đến nhà K. Tuy nhiên, L không biết mục đích của Đ là thăm dò xem chị K có ở nhà hay không để báo cho T cùng đồng phạm đến chiếm đoạt T4 sản của K, nên không có căn cứ xử lý vai trò đồng phạm.

[10]. Đối với hành vi liên quan đến mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Thành T: Cơ quan CSĐT (PC04) Công an tỉnh Bình Phước khởi tố bị can và Viện KSND tỉnh Bình Phước đã ban hành Cáo trạng số 11 ngày 27/5/2021, truy tố Nguyễn Thành T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11]. Đối với 03 điện thoại đã chiếm đoạt của chị Y, các bị cáo không xác định được vị trí, khu vực vứt điện thoại nên không có cơ sở truy tìm.

[12]. Đối với 02 tiệm vàng mà bị cáo T khai đã bán vàng trong quá trình bỏ trốn, bị cáo không xác định được tên và địa chỉ của tiệm vàng nên không có cơ sở xác minh, xem xét.

[13]. Đối với 02 điện thoại của anh Nguyễn Văn Huỳnh mà T lấy trên mặt kệ tạp hóa, ném xuống sân nhà chị Y do hư hỏng không nghiêm trọng, tiếp tục sử dụng được, anh Huỳnh đã bán cho người khác, anh Huỳnh không yêu cầu định giá tài sản, không yêu cầu bồi th9 và không yêu cầu xử lý hành vi trên của T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14]. Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra bị hại Y yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thành T, Mai Thị Minh Đ, Nguyễn Ngọc Ch, Nguyễn Văn Th hoàn trả lại tài sản bị chiếm đoạt gồm: 37 L vàng 24K, khoảng 30 L vàng 18K, 02 nhẫn vàng 24K và 01 dây chuyền vàng 18K; khoảng 3.700.000^d tiền lẻ và 415.000.0000^d mệnh giá từ

100.000^d đến 500.000^d và 04 điện thoại di động. Tuy nhiên bị cáo T khai nhận số T4 sản chiếm đoạt được gồm 5.500.000^d tiền lẻ và 70.000.000^d (tiền mệnh giá từ 100.000^d đến 500.000^d); bị cáo đã bán 02 L vàng 9999 với giá 85.000.000 đồng và sau đó giao nộp 19,014 L vàng còn lại. Ngày 11/11/2021, Tòa án Nh dân tỉnh Bình Phước nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của bị hại Y đồng thời trong đơn chị Y đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo T, Th, Đ Ch. Ngoài ra bị hại còn đề nghị Hội đồng xét xử cho bị hại nhận lại số vàng mà bị cáo T đã giao nộp khi ra đầu thú và không yêu cầu các bị cáo bồi th9 số vàng như đã yêu cầu. Xét thấy số vàng các bị cáo cướp của bị hại là tài sản hợp pháp của bị hại, do đó cần tuyên trả lại số vàng trên cho bị hại.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng chị Lê Thị H9 thay bị cáo Ch nộp khắc phục một phần hậu quả thì chị H9 đã cho bị cáo Ch và không yêu bị cáo Ch hoàn trả lại cho mình. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của hai bên không trái pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng chị Nguyễn Thị Hoa H10 thay bị cáo Đ nộp khắc phục một phần hậu quả thì chị H10 đã cho bị cáo Đ và không yêu bị cáo Đ hoàn trả lại cho mình. Xét thấy đây là sự thỏa thuận của hai bên không trái pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

[15]. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với xe ô tô BKS 93A - 083.92 mà Nguyễn Văn Th chở T, T4, Đ và Ch đến thành phố ĐX cướp T4 sản của bị hại. Chiếc xe trên tuy người đứng tên chủ sở hữu là Nguyễn Văn Th nhưng xét thấy trong quá trình điều tra, xét xử thì theo lời khai của bị cáo Th, bà H8 thì nguồn gốc chiếc xe trên là của bà H8. Bà H8 đã đưa tiền cho bị cáo đi mua xe và thỏa thuận cho bị cáo Th đứng tên để thuận tiện cho công việc chạy xe dịch vụ của bị cáo. Sự thỏa thuận trên có chị Lê Thị H9 chứng kiến và có xác nhận chữ ký. Xét thấy số tiền mua xe chiếc xe ô tô BKS 93A - 083.92 là của bà H8, là tài sản có giá trị để nuôi sống cả gia đình. Cần tuyên trả lại cho bà H8.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim Y số vàng mà bị cáo T giao nộp khi đi ra đầu thú.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Th số tiền 10.000.000 đồng;

Trả lại cho bị cáo Mai Thị Minh Đ số tiền 3.000.000 đồng

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc Ch số tiền 3.000.000 đồng

Lưu theo hồ sơ:

- 02 (hai) thẻ nhớ loại 32 GB [BL 526-527].

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng đã qua sử dụng (mật KH8 mở khóa mà hình: 118181; Zalo mật KH8: 1123);
 - 01 điện thoại Oppo màu đen.
 - 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng;
 - 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng, đã qua sử dụng (mật KH8 mở khóa mà hình: 161179; Zalo mật KH8: 1679).
 - 1.200.000 đồng tiền do Nguyễn Văn Th nộp lại do thu lợi bất chính.
- Các tài sản không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[16]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng điều luật đối với các bị cáo phù hợp một phần với với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[17]. Quan điểm của Luật sư bào chữa:

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T phù hợp một phần nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Ch phù hợp một phần nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Mai Thị Minh Đ phù hợp một phần nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Th của Đỗ Hải Bình phù hợp một phần nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Th Ông Ngô Quốc Ch không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[18]. Án phí hình:

Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Án phí về dân sự: các bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Ngọc Ch, Mai Thị Minh Đ, Nguyễn Văn Th phạm tội “*Cướp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 18 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2020.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Ch 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2020.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Mai Thị Minh Đ 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2020.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên trả cho chị Nguyễn Thị Kim Y:

- 01 bộ vàng xi men bằng kim loại màu vàng gồm 13 chiếc;
- 02 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng (loại lắc trơn);
- 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng gồm 09 sợi dây nhỏ;
- 13 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn trơn;
- 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có hình chim công;
- 03 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính hạt màu trắng;
- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính hạt màu xanh lá cây;
- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính nhiều hạt màu trắng;
- 01 vật có hình nanh động vật màu nâu có bọc kim loại màu vàng;
- 01 lắc đeo tay có hình dây xích bằng kim loại màu vàng;
- 01 sợi dây chuyền hình trái tim có đính hạt màu trắng bằng kim loại màu vàng;
- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng gồm 05 sợi nhỏ;
- 02 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dạng trơn;
- 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng hình tròn có đính hạt trắng, có 05 sợi nhỏ;
- 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng hình chữ C;
- 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có đính hạt màu trắng ở giữa;

- 01 vật bằng kim loại màu vàng có hình bầu dục.

Chị Nguyễn Thị Kim Y có quyền liên hệ Kho bạc nhà nước để nhận lại sổ T4 sản trên. Theo biên bản giao nhận số 08/2021/BBBG-KBNNBP ngày 05/5/2021 giữa Kho bạc nhà nước với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Th số tiền 10.000.000 đồng;

Trả lại cho bị cáo Mai Thị Minh Đ số tiền 3.000.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc Ch số tiền 3.000.000 đồng.

Trả cho bà Đoàn Thị H8 chiếc xe mang tên chủ sở hữu Nguyễn Văn Th, BS 93A-083.92.

Lưu theo hồ sơ:

- 02 (hai) thẻ nhớ loại 32 GB [BL 526-527].

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng đã qua sử dụng (mật KH8 mở khóa mà hình: 118181; Zalo mật KH8: 1123);

- 01 điện thoại Oppo màu đen.

- 01 điện thoại NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng, đã qua sử dụng (mật KH8 mở khóa mà hình: 161179; Zalo mật KH8: 1679).

- 1.200.000 đồng tiền do Nguyễn Văn Th nộp lại do thu lợi bất chính.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 con dao bằng kim loại dài 28,5 cm cán gỗ, lưỡi dao dài 18,5cm, bản rộng nhất 4,7cm, dạng một lưỡi, đầu nhọn;

- 01 điều thuốc lá hiệu HERO, đã hút dở dài 7,5cm;

- 01 con dao bằng kim loại dài 28cm, cán nhựa màu đen, trên có KIWI, lưỡi dao dài 16,5cm, bản rộng nhất 3,5cm, dạng dao một lưỡi sắc, đầu nhọn;

- 01 chai nước hiệu AQUAPLUZA, đã uống dở;

- 01 điều thuốc lá hiệu JET, đã hút dở, dài 4,5cm;

- 01 ổ khóa màu vàng Đg tình trạng mở;

- 02 cục gỗ, lần lượt có kích thước (14,5x14,7x5)cm; (14,5x 13,7 x 5,2)cm;

- 01 (một) bàn gỗ có kích thước (42 x 110 x 71) cm; ngăn bàn có kích thước (40 x 42 x 71) cm, ngăn bàn có cánh cửa bị bể vỡ, bung ra khỏi ngăn bàn [BL 537].

5. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH9 vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo Nguyễn Thành T, Mai Thị Minh Đ, Nguyễn Ngọc Ch, Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: các bị cáo không phải chịu.

6. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Toà án ND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV06; Cơ quan CSĐT;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thư